

NGHIÊN CỨU TÍNH ĐA DẠNG THỰC VẬT TRONG HỆ THỐNG VƯỜN NHÀ TẠI XÃ TRUNG MÔN HUYỆN YÊN SƠN TỈNH TUYÊN QUANG

VI THỊ NGUYỆT

Trường Đại học Tân Trào

NGUYỄN BÌNH LIÊM

Trường THPT Hương Càn, Thanh Sơn, Phú Thọ

LÊ ĐỒNG TẤN

Trung tâm Phát triển Công nghệ cao,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Vườn nhà là một hệ sinh thái nhân tạo đặc trưng gắn liền với nhà ở của người dân. Chức năng chính của vườn nhà là cung cấp cho con người (thường ở quy mô hộ gia đình) các yêu cầu hàng ngày về lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, vật liệu xây dựng, làm nông cụ, vật dụng cho gia đình... Về phương diện môi trường, vườn nhà là cảnh quan tạo không gian xanh, cùng với hệ thống ao hồ và đất sản xuất có tác dụng điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường. Vườn nhà còn là nơi lưu giữ nhiều nguồn gen cây trồng bản địa, đặc hữu quý hiếm. Thực tiễn cho thấy, sự tồn tại của hệ sinh thái vườn nhà gắn liền với lịch sử và truyền thống văn hoá của từng dân tộc, từng vùng miền và phụ thuộc vào phong tục tập quán, trình độ và khả năng kinh tế của gia đình. Do đó, thành phần, cấu trúc của hệ sinh thái này rất phong phú và đa dạng. Nhưng những nghiên cứu về tính đa dạng của hệ sinh thái vườn nhà còn rất hạn chế, nhất là tính đa dạng của hệ thực vật-một thành tố chính quyết định giá trị của vườn nhà còn ít được nghiên cứu.

Để góp phần làm sáng tỏ tính đa dạng và vai trò của thực vật trong hệ thống vườn nhà, trong bài viết này chúng tôi trình bày một số kết quả nghiên cứu về tính đa dạng thực vật trong một số mô hình vườn nhà tại xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Hệ thực vật trong hệ thống vườn nhà trên quy mô hộ gia đình, bao gồm cây trồng, cây tự nhiên ở xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp điều tra:* Thực hiện theo phương pháp điều tra theo tuyến và điều tra điểm. Chọn tuyến điều tra theo phương pháp điển hình được thiết lập dựa trên các thông tin về phân bố dân cư trong xã: bản đồ hiện trạng, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, các thông tin từ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn ở địa phương nghiên cứu... Chọn tuyến điều tra là những lát cắt đi qua tất cả vùng đại diện cho hệ thống vườn nhà: địa hình, độ cao, thôn, bản... Số lượng tuyến điều tra ít nhất là 3 tuyến. Điều tra điểm được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu điển hình trên quy mô hộ gia đình. Mỗi tuyến điều tra chọn ít nhất 3 hộ gia đình đại diện để điều tra chi tiết. Trên cơ sở số liệu điều tra, tổng hợp số liệu và chọn 3 hộ có diện tích đất vườn nhỏ nhất (nhưng phải trên 200m²), 3 hộ có diện tích trung bình và 3 hộ có diện tích lớn nhất.

- *Phương pháp thu thập số liệu:* Trên tuyến điều tra, tiến hành ghi chép tất cả các loài thực vật xuất hiện hai bên tuyến trong phạm vi 1 m ở hai bên đường trong khu dân cư (trong phạm vi này thường là những loài cây có giá trị khác nhau như làm hàng rào, cây cảnh trang trí cảnh quan, cây ăn được, cây thuốc, cây hoang dại mọc tự nhiên...); trong phạm vi 4 m đối với cây bụi và cây gỗ, 2 m đối với cây thảo, cây hàng năm (kể cả cây trồng và cây hoang dại mọc tự

nhiên) trên các khu vực đi qua đất nông nghiệp đang canh tác, các trạng thái thảm thực vật tự nhiên và đất trồng cây lâu năm... Tại các điểm điều tra, thu thập tất cả các thông tin về hệ thực vật có mặt. Các thông tin thu thập gồm: tên loài cây tên Việt Nam, tên khoa học), nguồn gốc, dạng sống, công dụng. Các thông tin thu thập được ghi riêng cho từng loài theo bảng thống kê chung cho tất cả các đối tượng nghiên cứu. Trong quá trình điều tra, những loài chưa biết tên khoa học, tiến hành thu mẫu để giám định tên loài. Phương pháp thu mẫu theo Nguyễn Nghĩa Thìn (1997 và 2007).

- *Phương pháp xử lý số liệu*: Tên loài cây được giám định theo phương pháp so sánh hình thái và được chỉnh lý theo các tài liệu đã được công bố. Phân loại công dụng thực vật theo khung phân loại cây tài nguyên của Proseca đã được Lê Đồng Tấn và cộng sự áp dụng tại tỉnh Phú Thọ (2014); phân loại dạng sống theo Raukiear (1937). Các số liệu được xử lý thống kê trên phần mềm excel.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội

Xã Trung Môn huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang cách trung tâm huyện Yên Sơn mới khoảng 7 km về phía Nam, cách trung tâm Thành phố Tuyên Quang khoảng 7 km về phía Tây Bắc. Xã có tuyến đường Quốc lộ 2C chạy qua và tuyến đường liên xã Trung Môn-Chân Sơn chạy qua trung tâm của xã. Phía Đông giáp Thành phố Tuyên Quang; Phía Tây giáp xã Chân Sơn; Phía Nam giáp xã Kim Phú; Phía Bắc giáp xã Thăng Quân.

Địa hình của xã tương đối đa dạng, phía Tây và phía Nam là dãy đồi bát úp xen lẫn những chân ruộng lúa (có độ cao trung bình từ 50-80 m so với mực nước biển). Phía đông địa hình bằng phẳng tập trung chủ yếu là đất nông nghiệp trồng lúa, trồng màu (có độ cao trung bình từ 20-30 m). Phía Bắc địa hình cao hơn chủ yếu là đất khu dân cư và các công trình xây dựng công cộng (có độ cao trung bình từ 30-40 m).

Khí hậu xã Trung Môn nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, mang đặc điểm chung của khí hậu vùng đồng bằng Trung Du Bắc Bộ. Vùng khí hậu này rất phù hợp với sinh trưởng phát triển của nhiều loài cây, kể cả cây bản địa và cây nhập nội, cây nông nghiệp, lâm nghiệp và cây công nghiệp.

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã có 1.195,06 ha; Tổng dân số toàn xã là 2.198 hộ, 7.914 nhân khẩu, 4.735 lao động, trong đó lao động nông nghiệp có 1.763 người chiếm 37,2 % tổng số lao động của toàn xã, lao động phi nông nghiệp có 2.859 người, chiếm 62,8% tổng số lao động. Tỷ lệ tăng dân số bình quân 1,196%/năm. Lao động trên địa bàn xã chủ yếu là công nhân viên chức, lao động phổ thông, số lao động đã qua đào tạo có 802 người (chiếm 16,9% tổng số lao động).

2. Tính đa dạng của hệ thống cây trồng trên đất vườn nhà ở xã Trung Môn

Hệ thống cây trồng là thành phần các loại cây được bố trí theo không gian và thời gian của một vùng sinh thái nông nghiệp, nhằm tận dụng hợp lý các nguồn tài nguyên kinh tế-xã hội (Đào Thế Tuấn, 1984). Hệ thống cây trồng trên đất vườn nhà được nghiên cứu dựa trên hiện trạng sử dụng đất trong nông nghiệp và lâm nghiệp. Theo đó, ở xã Trung Môn có các loại hình đất vườn nhà như sau:

- *Đất vườn rừng*: Trước đây, loại hình này khá phổ biến trong vùng với chức năng là cung cấp các nhu cầu thiết yếu mang tính chất tự cung, tự cấp cho người dân. Nhưng đến nay, do nhu cầu phát triển kinh tế đã thúc đẩy việc chuyển đổi đất sang các mục đích sử dụng khác làm cho diện tích đất vườn rừng trên khu vực ngày càng bị thu hẹp kể cả về qui mô, kể cả tính phổ biến.

Nhiều gia đình có đất vườn rừng nay đã không còn hoặc chỉ còn với diện tích nhỏ; chức năng vốn có của vườn rừng là “cung cấp” đang dần được thay thế bằng chức năng chính là quỹ đất “dự trữ” của các hộ gia đình.

- *Rừng trồng*: Trong hệ thống vườn nhà, có một số diện tích đất không thuận lợi cho canh tác nông nghiệp, trồng cây lâu năm hay chưa có mục đích sử dụng cụ thể, người dân thường trồng cây rừng để tận dụng đất, tăng độ phủ của thảm thực vật, tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường xung quanh nhà. Những loài cây trồng thường gặp là một số loài Bạch đàn (như *Eucalyptus camaldulensis* Dehnh., *E. urophylla* S.T. Blake), Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A. Cunn. ex Benth.), Keo tai tượng (*A. mangium* Willd.), Keo lai (*Acacia mangium* x *Acacia auriculiformis*), Thông ba lá (*Pinus kesiya* Royle ex Gordon)...

- *Đất trồng cây lâu năm*: Thường phân bố trên các khu vực nhà dân định cư trên các địa hình đồi dốc. Cây trồng có thể là hỗn loài hoặc đơn loài với thành phần chính là cây Chè và các loài cây ăn quả như Nhãn (*Dimocarpus longan* Lour.), Vải (*Litchi chinensis* Sonn.), Xoài (*Mangifera indica*), Mít (*Artocarpus heterophyllus* Lamk.), Hồng (*Diospyros kaki* Thunb., Cam (*Citrus* sp.), Bưởi (*Citrus grandis* (L.) Osbeck), Chanh (*Citrus x auxantifolia* (Christm. & Panzer) Swingle.), Mận (*Prunus salicina* Lindl),...

- *Đất trồng cây hàng năm*: Chủ yếu trồng cây rau màu, gồm: Khoai tây (*Solanum tuberosum* L.), Cà (*Solanum album* Lour.), Cà chua (*Lycopersicon esculentum* Mill.), Súp lơ (*Brassica oleracea* var. *botrytis* L.), Su hào (*Brassica oleracea* var. *gongylodes* L.), Cải ngọt (*Brassica integrifolia* O. E. Schulz.), Cải bắp (*Brassica oleracea oleracea* var. *capitata* L.), Dưa chuột (*Cucumis sativus* L.),... Tùy theo mùa trong năm mà có cơ cấu cây trồng thích hợp, thông thường trên đất trồng cây hàng năm, có thể sản xuất 3-4 vụ: vụ đông, vụ đông xuân, vụ hè, hè thu...

3. Tính đa dạng về thành phần loài

Bước đầu đã ghi nhận trong hệ thống vườn nhà tại xã Trung Môn có 232 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 178 chi 75 họ 5 ngành như sau:

Bảng 1

Số lượng các taxon theo ngành của hệ thực vật vườn nhà tại xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

St t	Tên taxon	Họ		Chi		Loài	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Lycopodiophyta (Ngành Thông đất)	2	2,70	2	1,10	2	0,80
2	Equisetophyta (Ngành Mộc tặc)	1	1,30	1	0,60	1	0,40
3	Polypodiophyta (Ngành Dương xỉ)	3	4,00	4	2,20	4	1,70
4	Pinophyta (Ngành Thông)	1	1,30	1	0,60	1	0,40
5	Magnoliophyta (Mộc lan)	68	90,60	170	95,50	223	96,10
5.1	Magnoliopsida (Lớp Ngọc lan)	54	71,90	139	78,10	179	77,10
5.2	Liliopsida (Lớp Hành)	14	18,70	31	17,40	44	19,00
Tổng số		75	100	178	100	232	100

Ngành Thông đất - Lycopodiophyta có 2 họ (chiếm 2,7%), 2 chi (1,1%) 2 loài (chiếm 0,8%).

Ngành Mộc tặc hay Cỏ tháp bút - Equisetophyta chỉ có duy nhất 1 họ (1,3%), 1 chi (0,60%), 1 loài (0,43%).

Ngành Dương xỉ - Polypodiophyta có 3 họ (chiếm 4,00 %), 4 chi (2,20%), 4 loài (1,70%).

Ngành Thông - Pinophyta chỉ có 1 họ duy nhất Pinaceae (1,30%), 1 chi (0,60%), 1 loài (0,43%).

Ngành Ngọc lan (Mộc lan) - Magnoliophyta có 68 họ (90,60%) với 223 loài (96,10%), 170 chi (chiếm 95,50%).

Trong ngành Magnoliophyta thì lớp Ngọc lan (Mộc lan) - Magnoliosida chiếm ưu thế hơn với 54 họ (71,90%), 139 chi (78,10%), 179 loài (77,10%) còn lớp Loa kèn (Hành) - Liliopsida hay Một lá mầm - Monocotyledonae có 14 họ (18,70%), 31 chi (17,40%), 44 loài (19,00%) thấp hơn rất nhiều so với lớp Ngọc lan.

Hệ thực vật trên đất vườn nhà tại vùng nghiên cứu có 3 loài quý hiếm có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), chiếm 2,90% tổng số loài, trong đó có 2 loài ở cấp VU - Sẽ nguy cấp) và 1 loài ở cấp EN - Nguy cấp (xem bảng 2).

Bảng 2

Các loài thực vật có nguy cơ tuyệt chủng ở khu vực nghiên cứu

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Mức độ nguy cấp
1	<i>Canarium tramdenum</i> Dai et Yakovl	Trám đen	VU
2	<i>Dipterocarpus retusus</i> Blume	Chò nâu	VU
3	<i>Excentrodendron tonkinense</i> (Gegnep.) Chang	Nghiến	EN

- **Nhóm cây trồng:** Cây trồng là nhóm cây cho sản phẩm chính của hệ thống vườn nhà. Thuộc nhóm này có 159 loài (chiếm 68,50%) thuộc 124 chi (chiếm 69,70%), 55 họ (chiếm 73,30%) . Có thể kể một số loài cây trồng chính như sau:

+ Cây lâm nghiệp: chủ yếu là Keo tai tượng (*A. mangium*), Bạch đàn trắng (*E. alba* Reinw.), Hóp (*Bambusa multiplex* (Lour.) Raeusch),...

+ Các loài cây ăn quả: cây ăn quả được trồng nhiều là Táo (*Zizyphus mauritiana* Lamk.), Mơ (*Prunus armeniaca* L), Đào (*Prunus persica* (L.) Batsch), Mận (*Prunus salicina* Lindl), Nhãn (*Dimocarpus longan* Lour.),...

+ Các loài rau xanh: chủ yếu là rau Xà lách (*Lactuca sativa* L.), Cải xanh (*Brassica juncea* (L.) Czern. Et Coss.), Mồng tơi (*Basella rubra* L.), Rau đay (*Corchorus olitorius* L.), Rau muống (*Ipomoea aquatica* Forssk.); một số rau gia vị: Húng quế (*Ocimum basilicum* L.), Tía tô (*Perrilla frutescens* (L.) Britt.), Kinh giới (*Elsholtzia ciliata* (Thunb.) Hyland.),...

- **Nhóm cây mọc tự nhiên (hoang dại):** Qua nghiên cứu thực địa đã thống kê thuộc nhóm này có 31 họ (chiếm 41,30%), 62 chi (chiếm 34,80%), 71 loài (chiếm 30,60%). Nhóm cây này thường là cây bản địa như cây lấy gỗ, cây làm dụng cụ và đồ gia dụng, cây làm cảnh. Một số loài điển hình như sau: Cỏ gấu (*Cyperus rotundus* L.); Cỏ màn trâu (*Euleusine indica* (L.) Gaertn); Trinh nữ, Xấu hổ (*Mimosa pudica* L.); Cam thảo nam (*Scoporia dulcis* L.); Cỏ tranh (*Imperata cylindrica* (L.) P. Beauv.); Cỏ lào (*Eupatorium odoratum* L.); Ngổ (*Limnophila chinensis* (Osbeck) Merr.),...

4. Tính đa dạng về giá trị sử dụng

Kết quả tổng hợp trong bảng 3 cho thấy trong hệ thực vật vườn nhà tại xã Trung Môn có 11 nhóm cây tài nguyên sau:

Nhóm cây làm thuốc (T): có 55 họ (chiếm 73,30%), 120 chi (chiếm 67,40%), 156 loài (chiếm 67,20%). Họ Bạc hà (Lamiaceae) có 5 loài là: Kinh giới (*E. ciliata*) Hyland), Bạc hà (*M.*

arvensis), Húng chó (*O. bacilicum*), Tía tô (*P. frutescens*), Húng quế (*M. aquatic*); Họ Cúc (Asteraceae) có 15 loài là: Cỏ cút lợn (*Ageratum conyzoides* L.), Ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.), Đơn buốt (*Bidens pilosa* L.), Rau tàu bay (*Crassocephalum crepidioides* (Benth.) S. Moore), Nhọ nồi (*Eclipta prostrata* (L.) L.), Cúc chi thiên (*Elephantopus scaber* L.).

Nhóm cây lấy gỗ (G): có 22 họ (chiếm 29,30%), 31 chi (chiếm 17,40%), 42 loài (chiếm 18,10%). Họ Thông (Pinaceae) có một loài duy nhất là Thông ba lá (*P. kesiya*); Họ Trám (Burseraceae): Trám trắng (*Canarium album* (Lour.) Raeusch. ex DC.) và Trám đen (*C. tramdenum* Dai et Yakovl),...

Nhóm cây ăn được (A): có 19 họ (chiếm 25,30%), 40 chi (chiếm 22,40%), 55 loài (chiếm 23,70%). Như: Bưởi (*Citrus grandis* (L.) Osbeck.), Thị (*Diospyros decandra* Lour.), Hồng (*Diospyros kaki* Thunb.), Mít (*Artocarpus heterophyllus* Lamk.), Chay (*Artocarpus tonkinensis* A. Chev. ex Gagnep.), Ổi (*Psidium guajava* L.), Roi (*S. samarangense* (Blume) Merr. & Perry), Khế (*Averrhoacarambola* L.),...

Nhóm cây làm cảnh (C): với 15 họ (chiếm 20,00%), 17 chi (chiếm 9,60%), 23 loài (chiếm 9,90%). Họ Bàng lẵng (Lythraceae) có Bàng lẵng (*Lagestromia calyculata*); Họ Bông (Malvaceae) gồm: Râm bụt (*Hibiscus rosa-sinensis* L.), Bụp giấm (*Hibiscus sabdariffa* L.); Họ Dầu tằm (Moraceae) gồm: Ruổi (*Streblus asper* Lour.), Si (*F. microrcarpa* L. f.), Ruổi ô rô (*Streblus ilicifolius* (Vidal) Corn.),...

Nhóm cây ăn quả (Q): có 14 họ (chiếm 2,70%), 25 chi (chiếm 3,40%), 36 loài (chiếm 2,60%). Bưởi (*Citrus grandis* (L.) Osbeck.), Thị (*Diospyros decandra* Lour.), Hồng (*Diospyros kaki* Thunb.), Mít (*Artocarpus heterophyllus* Lamk.), Chay (*Artocarpus tonkinensis* A. Chev. ex Gagnep.), Ổi (*Psidium guajava* L.), Roi (*S. samarangense* (Blume) Merr. & Perry), Khế (*Averrhoacarambola* L.), Táo (*Zizyphus mauritiana* Lamk.), Mơ (*Prunus armeniaca* L.), Đào (*Prunus persica* (L.) Batsch), Mận (*Prunus salicina* Lindl),...

Nhóm cây cho dầu và tinh dầu (D): có 11 họ (chiếm 14,70%), 17 chi (chiếm 9,60%), 19 loài (chiếm 8,20%). Một số loài là Ngải cứu (*Artemisia vulgaris* L.), Cỏ lào (*Eupatorium odoratum* L.), Cúc tần (*Pluchea indica* (L.) Less), Tía tô (*Perilla frutescens* (L.) Britt.), Gù hương (*Cinnamomum balansae* Lecomte), Quế thanh (*Cinnamomum cassia* Presl.),...

Nhóm cây đan lát (Đa): có 2 họ (chiếm 2,7%), 2 chi (chiếm 1,10%), 4 loài (chiếm 1,70%). Họ Hòa thảo (Poaceae): có một số loài điển hình là Tre gai (*Bambusa bambos* (L.) Voss), Hóp (*Bambusa multiplex* (Lour.) Raeusch), Tre vầu (*Bambusa nutans* Wall. ex Munro), Mây (*Calamus canthospathus* Griff.).

Nhóm cây cho sản phẩm chăn nuôi (Nu): có 2 họ (chiếm 2,70%), 6 chi (chiếm 3,40%), 6 loài (chiếm 2,60%). Một số loài là Dền gai (*Amaranthus spinosus* L), Cỏ gà (*Cynodon dactylon* (L.) Pers.), Cỏ chân vịt (*Dactyloctenium aegyptium* (L.) Beauv.), Cỏ màn trâu (*Eleusine indica* (L.) Gaertn.),...

Nhóm cây ăn trâu (Tr): có duy nhất 1 họ (chiếm 1,30%), 1 chi (chiếm 0,60%), 1 loài duy nhất (chiếm 0,40%). Họ Dầu tằm (Moraceae): có 1 loài là cây Chay (*Artocarpus tonkinensis* A. Chev. ex Gagnep.)

Nhóm cây làm phân xanh (Px): có 1 họ là họ Cúc (chiếm 1,3%), 1 chi (chiếm 0,60%), 1 loài (chiếm 0,40%).

Nhóm cây có độc (Đ): có 1 họ là họ Cà (chiếm 1,30%), 1 chi (chiếm 0,60%), 1 loài (chiếm 0,40%).

Bảng 3

Số họ, chi, loài của hệ thực vật vườn nhà tại xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo các nhóm cây tài nguyên

Stt	Nhóm cây tài nguyên	Họ		Chi		Loài	
		Số họ	%	Số chi	%	Số loài	%
1	Nhóm cây làm thuốc	55	73,30	120	67,20	162	68,06
2	Nhóm cây lấy gỗ	22	29,30	31	17,40	42	18,10
3	Nhóm cây ăn được	19	25,30	40	22,40	55	23,70
4	Nhóm cây làm cảnh	15	20,00	17	9,60	23	9,90
5	Nhóm cây ăn quả	14	2,70	25	3,40	36	2,60
6	Nhóm cây cho dầu và tinh dầu	11	14,70	17	9,60	19	8,20
7	Nhóm cây đan lát	2	2,70	2	1,10	4	1,70
8	Nhóm cây cho sản phẩm chăn nuôi	2	2,70	6	3,40	6	2,60
9	Nhóm cây ăn trầu	1	1,30	1	0,60	1	0,40
10	Nhóm cây làm phân xanh	1	1,30	1	0,60	1	0,40
11	Nhóm cây có độc	1	1,30	1	0,60	1	0,40

III. KẾT LUẬN

Bước đầu đã ghi nhận trong hệ thống vườn nhà tại xã Trung Môn có 232 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 178 chi, 75 họ, 5 ngành. Trong đó: Ngành Thông đất - Lycopodiophyta có 02 họ, 02 chi, 02 loài; Ngành Cỏ tháp bút - Equisetophyta có 01 họ, 01 chi, 01 loài; Ngành Dương xỉ - Polypodiophyta có 03 họ, 04 chi, 04 loài; Ngành Thông - Pynophyta có 01 họ, 01 chi, 01 loài; Ngành Ngọc lan (Mộc lan) - Magnoliophyta có 54 họ, 139 Chi, 179 loài; có 3 loài thực vật quý hiếm đang có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007).

Trên đất vườn nhà ở xã Trung Môn có hệ thống cây trồng tương ứng với 4 loại hình sử dụng đất, gồm: đất vườn rừng, đất trồng rừng, đất trồng cây lâu năm và đất trồng cây hàng năm. Trên mỗi loại hình có một hệ thống cây trồng riêng nhằm khai thác và sử dụng hợp lý nguồn lợi đất đai.

Có hai nhóm cây chính trên đất vườn nhà ở xã Trung Môn: nhóm cây trồng và nhóm cây tự nhiên. Trong nhóm cây trồng tỷ lệ các loài truyền thống có năng suất và chất lượng thấp đang được thay thế bởi các loài nhập nội có năng suất và chất lượng tốt hơn. Có nhiều loài cây thuộc nhóm cây tự nhiên đã và đang bị suy giảm do mất nơi sống.

Đã thống kê được trong hệ thực vật trên đất vườn nhà ở xã Trung Môn có 11 nhóm cây tài nguyên, gồm: Nhóm cây làm thuốc có: số lượng loài nhiều nhất với có 162 loài thuộc 120 chi 55 họ, chiếm 68,06% số loài, 67,2% số chi và 73,3 về số họ; Nhóm cây ăn được: có 55 loài thuộc 40 chi 19 họ, chiếm 18,1% số loài, 22,4% số chi và 25,3% về số họ; Nhóm cây lấy gỗ: có 42 loài thuộc 31 chi 22 họ, chiếm 18,1% số loài, 17,4% số chi và 29,3% về số họ; Nhóm cây ăn quả: có 36 loài thuộc 25 chi 14 họ, chiếm 2,6% số loài, 3,4% số chi và 2,7% về số họ; Nhóm cây làm cảnh: có 23 loài thuộc 17 chi 15 họ, chiếm 9,9% số loài, 9,6% số chi và 20% về số họ; Nhóm cây cho dầu và tinh dầu: có 19 loài thuộc 17 chi 11 họ, chiếm 8,2% số loài, 9,6% số chi và 14,7% về số họ; Nhóm cây cho sản phẩm chăn nuôi: có 6 loài thuộc 6 chi 2 họ, chiếm 2,6% số loài, 3,4% số chi và 2,7% về số họ; Nhóm cây đan lát: có 4 loài thuộc 2 chi 2 họ, chiếm 1,7% số loài, 1,1% số chi và 2,7% về số họ; có 3 nhóm cây chỉ có 1 loài duy nhất là nhóm cây ăn trầu, nhóm làm phân xanh, nhóm có độc; còn một nhóm không có loài nào là nhóm cho nhựa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên) & cs.** 2003, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập II, III.
2. **Phạm Hoàng Hộ,** 1991-1993. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tập 1-3.
3. **Nguyễn Nghĩa Thìn,** 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 223 trang.
4. **Nguyễn Nghĩa Thìn,** 2007. Phương pháp nghiên cứu thực vật, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 171 trang.
5. **Đào Thế Tuấn,** 1984. Hệ sinh thái nông nghiệp. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

DIVERSITY OF VASCULAR PLANTS ON HOME GARDEN LANDS AT TRUNG MON COMMUNITY, YEN SON DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE, VIETNAM

VI THỊ NGUYET, NGUYEN BINH LIEM, LE DONG TAN

SUMMARY

In this paper, the authors have documented the diversity of flora on home garden lands in Trung Mon community, Yen Son district, Tuyen Quang province. There were 232 species of vascular plants found, belonging to 178 genera, 75 families, 5 branches in the system of home garden lands in Trung Mon community, Yen Son district, Tuyen Quang province. Of which: Lycopodiophyta with 02 families 02 genera 02 species; Equisetophyta: 01 family 01 genera, 01 species; Polypodiophyta: 03 families, 04 genera, 04 species; Pinophyta: 01 family, 01 genus, 01 species; Magnoliophyta: 68 families, 170 genera, 223 species; 3 plant species are recorded in the Vietnam Red Data Book (2007).